

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pH - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tHg 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tHg 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tHg 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tHg 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố Đường Hương, phường Lập Lễ, thành phố TN, thành phố Hải Phòng; Nay là: Tổ dân phố Đường Hương, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố Hà Phú, phường Hòa Bình, thành phố TN, thành phố Hải Phòng; Nay là: Tổ dân phố Hà Phú, phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hồng Ni – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Lê Huy, đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2024 và các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị N trình bày:

[1] Về hôn nhân:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình (Nay là UBND phường Hòa Bình), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và lối sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

[2]. Về con chung:

Chị Đinh Thị N trình bày: Chị và anh H có 01 con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018. Từ khi ly thân đến nay cho là người trực tiếp con chung, việc nuôi con của chị đã ổn định, con chung phát triển tốt, hơn nữa con chung có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sinh sống cùng với mẹ nên khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân tại khu công nghiệp Vship và hiện tại chị nhận làm gia công tại nhà theo số lượng sản phẩm (Gấu bông) cho công ty với thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/ tháng, có thời gian cũng như điều kiện, khả năng nuôi con được tốt. Về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh H tự thỏa thuận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Chị Đinh Thị N trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn H là bị đơn vắng mặt nhưng đã ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

[1] Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của hai bên như nguyên đơn trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018 hiện đang ở cùng với ông bà ngoại từ khi sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nhận nuôi con chung Trần Thị Kim Ngân vì chị N không đủ điều kiện nuôi con, chị N không có công việc ổn định và bị tật nguyền ở chân. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết với.

[3] Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/02/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Đinh Thị N và anh Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Bình (nay là Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình), thành phố Hải Phòng vào ngày 22/3/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không

hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị N đã dẫn con chung đi sống ly thân với anh H. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâu dài nhiều năm và hiện vẫn sống ly thân. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết. Về con chung: Chị Đinh Thị N và anh H có 01 con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng các bên giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Lê Hồng Ni trình bày quan điểm: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N lấy anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện và sinh 01 con gái là Trần Thị Kim Ngân ngày 30/7/2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện TN, thành phố Hải Phòng (nay là UBND phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng) vào ngày 22 tHg 3 năm 2019. Sau khi làm đám cưới 02 người về sống cùng bố mẹ đẻ chị N tại xã Lập Lễ, huyện TN, (nay là phường Nam Triệu) thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống chung với nhau khoảng 06 tHg thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, anh H chuyển về bố mẹ đẻ ở phường Hòa bình cho đến nay. Do 02 người không thống nhất được phương án làm ăn, anh H thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ lẫn nhiều người, không lo làm ăn và thường vắng nhà. Thỉnh thoảng anh H mới về thăm chị N và con chung, anh H và gia đình nhà chồng không quan tâm tới vợ và con chung. Chị N cùng bố mẹ đẻ là ông Tráng, bà Lê trực tiếp chăm sóc con chung ổn định, bình thường cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của chị N và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh H. Về quyền nuôi con chung: Anh H và chị N đều có yêu cầu nhận nuôi con nhưng hiện nay anh H không đủ điều kiện nuôi con chung, anh H không có công việc và thu nhập ổn định. Hơn nữa, từ khi cháu Ngân sinh ra và lớn lên anh H không quan tâm đến con chung, chưa bao giờ anh H đưa đón cháu Ngân đi học, không biết cháu Ngân học lớp mấy, không biết cô nào chủ nhiệm, hàng tHg cũng không chu cấp tiền ăn học cho cháu..vv. Cháu Ngân vẫn được chị N cùng ông bà ngoại (là ông Tráng, bà Lê) chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, ổn định từ khi sinh ra cho đến hiện nay, đảm bảo tốt mọi quyền lợi cho cháu và hiện nay cháu Ngân vẫn đang học ổn định tại trường Tiểu học Lập Lễ. Xác minh tại trường Tiểu học Lập Lễ thì được cô chủ nhiệm lớp cháu Ngân cho biết, nội dung đúng như chị N khai. Cô chưa bao giờ tiếp xúc với anh H, những buổi đưa đón và họp lớp thì chỉ gặp chị N hoặc ông Ngoại của cháu Ngân. Về phần chị N hoàn toàn có khả năng nuôi dưỡng cháu Ngân, hiện nay chị Ngân đang làm tại Công ty và làm thêm ở nhà sản xuất gấu bông cho công ty, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tHg. Chị N có đủ thời gian nuôi và dạy bảo cháu học hành, ngoài ra cháu Ngân còn được sự giúp đỡ của ông, bà ngoại. Cháu Ngân đã có đơn đề nghị xin được ở với chị N. Bố mẹ chị N (ông

Tráng, bà Lê) cũng có đơn đề nghị Tòa án cho cháu Ngân được ở với mẹ và ông bà có trách nhiệm cùng chị N nuôi dạy cháu. Chỗ ở hiện nay, cháu Ngân đang ở cùng ông bà Ngoại là ông Tráng và bà Lê, ông Tráng, bà Lê đã cho chị N và cháu Ngân một thửa đất để chuẩn bị làm nhà ra ở riêng. Vì vậy đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Đinh Thị Ngọc An tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Tại thời điểm này anh H và chị N không có tài sản chung và không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Với các quan điểm trên, ông đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các điều 17, 18, 19, 21 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Luật Trẻ em năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N. cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn H. Giao cháu Trần Thị Kim Ngân cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Về án phí: Chị N chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227 Bộ luật; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tHg 6 năm 2025 và các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Văn H; về con chung: Giao cho chị Đinh Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tHg 6 năm 2025.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Văn H đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 22/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình

chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2020 mâu thuẫn trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và anh H sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị N và anh H.

[3]. Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018. Khi ly hôn, chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị N đang trực tiếp nuôi con chung Trần Thị Kim Ngân từ khi ly thân đến nay vẫn ổn định và đảm bảo quyền lợi, lợi ích của con chung, con chung phát triển bình thường và được đảm bảo tốt, chị N có đầy đủ điều kiện và khả năng nuôi con chung. Con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018 có nguyện vọng được ở với chị N khi ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Trần Thị Kim Ngân cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kHg cáo: Chị N và anh H có quyền kHg cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 được Quốc Hội thông qua vào ngày 25 tHg 6 năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị N trực tiếp nuôi con chung tên là Trần Thị Kim Ngân sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Trần Văn H không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị N và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010363 ngày 12 tHg 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, thành phố Hải Phòng (Nay là: Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng). Chị Đinh Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kHg cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kHg cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kHg cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Hòa Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân